

TRAO ĐỔI CHÍNH SÁCH**HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HƯỚNG TỚI ĐẠI HỌC NGHIÊN CỨU****KS. Lê Văn Chương**

Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN, Bộ KH&CN

Tóm tắt:

Đại học nghiên cứu là một khái niệm còn khá mới mẻ trong hoạt động giáo dục và đào tạo ở nước ta. Nhiều trường đại học hiện nay đang tìm tòi xây dựng nội dung và lộ trình để phấn đấu trở thành đại học nghiên cứu, trong khi quốc tế đại học nghiên cứu là tiêu chí phổ biến để thu hút sinh viên đăng ký tham gia học tập. Một trong những nhân tố làm nên thành công của các đại học nghiên cứu là hợp tác quốc tế về KH&CN trong nội dung xây dựng một đại học nghiên cứu.

Từ khóa: Đại học nghiên cứu; Hợp tác quốc tế về KH&CN.

Mã số: 14091701

Theo Hướng dẫn số 1206/HD-ĐBCLGD về các **tiêu chí trường đại học nghiên cứu** do Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQG) ban hành ngày 23/4/2013 thì mục tiêu là “*Xác định các tiêu chí xây dựng đại học nghiên cứu theo tiếp cận hóa và hội nhập quốc tế*”.

Tại **Tiêu chuẩn 3**. *Mức độ quốc tế hóa* có ba nội dung:

- Tỷ lệ giảng viên quốc tế;
- Tỷ lệ người học là người nước ngoài;
- Số lượng các đề tài, chương trình hợp tác quốc tế có công bố chung.

Triển khai tiêu chuẩn này, về mặt nguyên tắc, các trường đại học thuộc ĐHQG Hà Nội phải hết sức đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế nói chung, hợp tác quốc tế về KH&CN nói riêng trong quá trình phấn đấu xây dựng thành trường đại học nghiên cứu. Các trường đại học phải coi hội nhập quốc tế là điều kiện quan trọng và quyết tâm xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý từng bước đạt chuẩn quốc tế, đáp ứng yêu cầu vận hành và quản trị mô hình giáo dục đại học đang tiệm cận với các trường đại học tiên

tiên trên thế giới. Xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên, cán bộ khoa học mạnh và đầu đàn trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học y dược, khoa học nông nghiệp, khoa học xã hội, khoa học nhân văn nhằm phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ để sớm trở thành đại học nghiên cứu.

Việt Nam đã bước vào hội nhập kinh tế thế giới, từng bước tiến tới chiếm lĩnh KH&CN đỉnh cao, cho nên, luôn đòi hỏi phải xây dựng một lực lượng cán bộ KH&CN đông đảo có trình độ và đẳng cấp quốc tế, có khả năng làm việc trong môi trường công nghệ tiên tiến và cạnh tranh gay gắt. So với các nước trong khu vực và trên thế giới, nước ta còn khoảng cách rất lớn về tiềm lực và kết quả hoạt động KH&CN. Tỷ lệ nhân lực nghiên cứu trong dân số và mức đầu tư cho nghiên cứu khoa học theo đầu người thấp, các kết quả nghiên cứu và phát triển theo chuẩn mực quốc tế rất ít. Nhìn chung, năng lực KH&CN nước ta thấp, chậm giải đáp kịp thời nhiều vấn đề của thực tiễn đổi mới, chưa gắn kết chặt chẽ và đáp ứng được yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội. Trình độ công nghệ của nhiều ngành sản xuất lạc hậu.

1. Tổng quan về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ

Trong thời gian từ năm 1981-1985, để triển khai Nghị quyết 37-NQ/TW của Bộ Chính trị ban hành ngày 20/4/1981 về chính sách KH&KT, Việt Nam đã tham gia chương trình tổng hợp tiến bộ KH&KT của các nước thành viên Hội đồng Tương trợ kinh tế, chuyên gia Liên Xô đã giúp Việt Nam xây dựng và triển khai thực hiện 72 chương trình trọng điểm có mục tiêu. Năm 1981, Hiệp định chung giữa các nước thành viên Hội đồng Tương trợ kinh tế hỗ trợ phát triển nhanh nền KH&KT của Việt Nam đã được ký kết, trở thành văn bản hợp tác quốc tế quan trọng để phát triển và đẩy mạnh quan hệ hợp tác giữa nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa lúc bấy giờ. Trong giai đoạn này, Việt Nam đã thiết lập quan hệ hợp tác trong lĩnh vực KH&KT với hơn 20 nước và tổ chức quốc tế. Các hình thức hợp tác chủ yếu là đào tạo cán bộ, mời chuyên gia, đặc biệt là xây dựng các tập thể khoa học hỗn hợp song phương như: Tập thể nghiên cứu về bệnh sốt rét, bệnh nhiệt đới; Phòng nghiên cứu bão nhiệt đới Việt - Xô; Trạm thực nghiệm giống cây trồng Việt - Xô; Trạm nghiên cứu dâu tằm Việt - Xô; Trạm nghiên cứu sét Việt - Xô;... Hợp tác quốc tế trong giai đoạn này đã góp phần giải quyết nhiều vấn đề cụ thể, mang lại những kết quả nhất định.

Trong những năm 1986-1990, hợp tác quốc tế về KH&KT chủ yếu tập trung hỗ trợ để thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn do Đại hội Đảng VI đề ra, triển khai các nội dung mà Việt Nam tham gia trong Chương trình tổng hợp tiến bộ KH&KT của Hội đồng Tương trợ kinh tế với trọng tâm là 16 lĩnh vực ưu tiên về nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm (lúa, ngô, rau, quả, đồ hộp, chè, dâu tằm), năng lượng (chống sét), y tế (thuốc dân tộc), luyện kim (bôxít, cốc

hóa than), kỹ thuật nhiệt đới, điện tử, điều tra tài nguyên thiên nhiên. Nhìn chung, quan hệ hợp tác quốc tế về KH&KT đã được đẩy mạnh, có hiệu quả và góp phần quan trọng trong sự nghiệp phát triển KH&KT của nước ta. Chúng ta đã tranh thủ được sự hỗ trợ của các nước, cả về tài chính, trang thiết bị, đào tạo cán bộ, chuyên gia, xây dựng cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu và phát triển, làm cơ sở cho phát triển KH&KT sau này.

Vào đầu những năm 90, có nhiều sự kiện quan trọng và thách thức to lớn đối với công tác hợp tác quốc tế về KH&KT. Sự tan rã của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã làm cho chúng ta bị hụt hẫng, mất đi nguồn viện trợ quan trọng, làm gián đoạn mối quan hệ hợp tác truyền thống. Trong bối cảnh đó, Đảng và Nhà nước ta đã có những chủ trương, quyết sách đúng đắn nhằm khắc phục tình trạng trên. Với chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa, nước ta đã từng bước loại bỏ được thế bao vây, cô lập từ bên ngoài và đã mở rộng quan hệ hợp tác với các nước ở khắp các châu lục. Việt Nam đã trở thành thành viên của ASEAN (tháng 7/1995), bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ (năm 1995) và ký Hiệp định hợp tác KH&CN giữa hai nước (năm 2000), ký Hiệp định hợp tác với EU (năm 1995). Việt Nam là thành viên sáng lập của Hội nghị thượng đỉnh Á - Âu (ASEM), thành viên chính thức của Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và từ tháng 1/2007, Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Trong lĩnh vực KH&CN, Việt Nam đã tham gia hàng trăm tổ chức quốc tế chuyên ngành hoặc khu vực khác nhau.

Thời gian này, đặc biệt là trong 5 năm gần đây, phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực KH&CN ngày càng được mở rộng và phát triển cả về quy mô, hình thức và hiệu quả. Một mặt, chúng ta đã duy trì các mối quan hệ hợp tác truyền thống trước đây (với Nga, các nước Đông Âu,...), mặt khác, đã thiết lập và phát triển các mối quan hệ hợp tác mới (với Hoa Kỳ, một số nước Nam Mỹ, châu Phi,...). Hợp tác quốc tế về KH&CN đã từ chỗ thụ động, dựa vào viện trợ không hoàn lại, chuyển dần sang thế chủ động, tích cực, bình đẳng và cùng có lợi. Các vấn đề hợp tác đã xuất phát từ các yêu cầu thực tiễn của nước ta, giải quyết được nhiều vấn đề cấp bách, phục vụ tích cực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hiện nay, nước ta đang triển khai hơn 200 dự án hợp tác nghiên cứu với các đối tác nước ngoài, với sự tham gia của hơn 20 Bộ/ngành, địa phương. Đồng thời, Bộ KH&CN cũng đã dành hàng chục tỷ đồng hỗ trợ kinh phí đối ứng cho các tổ chức KH&CN trong nước tham gia các dự án nêu trên.

Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và sở hữu trí tuệ cũng đã góp phần đáp ứng yêu cầu của các thiết chế quốc tế mà Việt

Nam tham gia như: Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, WTO,...

Mục tiêu chính của đẩy mạnh hội nhập quốc tế về KH&CN là nhằm thúc đẩy mạnh mẽ hơn sự phát triển KH&CN quốc gia, rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển KH&CN trong nước so với khu vực và thế giới, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Để thực hiện được mục tiêu đó, chúng ta cần:

1. Nâng cao nhận thức hội nhập quốc tế về KH&CN, trong đó nhấn mạnh việc tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách và các cam kết của Việt Nam trong lĩnh vực KH&CN, khuyến khích các nhà khoa học, cán bộ quản lý KH&CN tham gia trực tiếp vào công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức và kinh nghiệm về hội nhập quốc tế trong lĩnh vực KH&CN;
2. Tăng cường tiềm lực hội nhập quốc tế về KH&CN thông qua việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực KH&CN trong nước, xây dựng cơ sở hạ tầng KH&CN theo tiêu chuẩn quốc tế, tăng cường nguồn tài chính cho hoạt động hội nhập quốc tế về KH&CN, tăng cường nguồn thông tin KH&CN và hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong một số ngành, lĩnh vực trọng điểm của nền kinh tế;
3. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ và tiêu chuẩn, đo lường, quản lý chất lượng phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế, bao gồm việc hình thành một hệ thống sở hữu trí tuệ hiện đại, hiệu quả, phù hợp với chuẩn mực quốc tế, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng nhằm tạo cơ sở cho quá trình thuận lợi hóa thương mại của Việt Nam tham gia vào thị trường quốc tế;
4. Đổi mới quản lý hoạt động KH&CN, trong đó, ưu tiên các nội dung khuyến khích thuê chuyên gia, tư vấn nước ngoài tham gia trong quá trình nghiên cứu hoạch định chính sách, kế hoạch phát triển KH&CN, đánh giá các nhiệm vụ KH&CN, sử dụng các chỉ số KH&CN theo tiêu chuẩn quốc tế trong thống kê và xây dựng cơ sở dữ liệu về KH&CN.

2. Hoạt động hợp tác quốc tế trong các trường đại học

Hội nhập quốc tế về KH&CN đã có những tiến bộ mới trên cơ sở phát triển các quan hệ hợp tác quốc tế về KH&CN đã được thiết lập. Đến nay, Việt Nam đã có quan hệ về hợp tác KH&CN với gần 70 nước, tổ chức quốc tế và vùng lãnh thổ; đã ký kết và đang thực hiện hơn 80 hiệp định hợp tác KH&CN cấp Chính phủ và cấp Bộ. Việt Nam đang là thành viên chính thức và không chính thức của gần 100 tổ chức quốc tế và khu vực về KH&CN.

Nội dung hội nhập quốc tế về KH&CN đã bắt đầu gắn kết với yêu cầu thực tiễn của các ngành, địa phương, bước đầu phục vụ có hiệu quả cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hình thức hội nhập quốc tế về KH&CN ngày càng đa dạng và phong phú hơn (bao gồm hợp tác nghiên cứu chung, chuyển giao công nghệ, trao đổi chuyên gia, tổ chức hội thảo, hội nghị, trình diễn công nghệ, hội chợ triển lãm công nghệ,...). Các lĩnh vực hội nhập cũng được mở rộng, từ nghiên cứu cơ bản đến nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, nghiên cứu liên ngành. Hội nhập quốc tế về KH&CN trong thời gian qua đã góp phần tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật cho các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, nâng cao trình độ cán bộ, thúc đẩy quá trình đổi mới công nghệ trong nước. Một số bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp đã chủ động tiếp cận, mua bán, áp dụng công nghệ mới, mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm. Hệ thống sở hữu trí tuệ và tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm đã từng bước được hoàn thiện đáp ứng các yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế. Cơ chế quản lý hoạt động KH&CN đã từng bước tiếp cận với thông lệ quốc tế, xã hội hóa hoạt động KH&CN thông qua các hình thức tuyển chọn tự do, công khai các tổ chức, cá nhân tham gia vào đề tài, dự án sử dụng ngân sách nhà nước, xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh giá, nghiệm thu đề tài, dự án. Trên cơ sở định hướng chung đó, các trường đại học xây dựng các phương án hợp tác quốc tế thích hợp cho sự phát triển bền vững của trường và xây dựng thành trường đại học nghiên cứu.

Tham khảo nội dung hoạt động hợp tác quốc tế của một vài trường đại học trong nước để thấy hiệu quả của hoạt động này phục vụ cho công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học của trường trong quá trình phấn đấu trở thành đại học nghiên cứu.

2.1. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG TP. Hồ Chí Minh)

ĐHQG TP. Hồ Chí Minh hiện có tổng số cán bộ, công chức, viên chức là 5.343 người, tăng 17% (tương đương 798 người) so với năm 2010. Trong đó, số cán bộ giảng dạy tăng 7,6% (từ 2.595 cán bộ tăng lên 2.793 cán bộ), số cán bộ nghiên cứu tăng 17,8% (từ 450 cán bộ tăng lên 530 cán bộ). Ngoài ra, trong tổng số cán bộ giảng dạy và nghiên cứu, tỷ lệ cán bộ có trình độ sau đại học tăng 14,2%.

Trong năm 2011, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh đã cử 931 cán bộ đi công tác, học tập ở nước ngoài, trong đó, học trình độ sau đại học là 166 cán bộ. Để thu hút những chuyên gia giỏi, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh tiếp tục đẩy mạnh chính sách thu hút các chuyên gia trong và ngoài nước cùng làm việc và đóng góp cho sự phát triển chung của Nhà trường. Nhà trường cũng đã mời GS. Omar M. Yaghi, Giám đốc Trung tâm Global Mentoring của UCLA, về

làm việc với vị trí Đồng quản trị Trung tâm MANAR, ĐHQG TP Hồ Chí Minh; mời GS. Hồ Tú Bảo (JAIST), GS. Dương Nguyên Vũ, GS.TSKH. Phạm Xuân Huyền, GS.TS. Nicole El Karoui (ĐH Bách khoa Paris),... tham gia giảng dạy các chương trình chất lượng cao tại ĐHQG TP Hồ Chí Minh.

Tháng 4/2011, với sự tài trợ của Chính phủ Hà Lan thông qua Chương trình NICHE, Nhà trường đã thành lập Trung tâm Quản lý nước và biến đổi khí hậu với mục tiêu trở thành Trung tâm hàng đầu Việt Nam và Đông Nam Á trong việc nghiên cứu quản lý nước và biến đổi khí hậu.

Hợp tác quốc tế đã phục vụ tốt cho công tác nghiên cứu, ngoài các dự án tiếp tục triển khai, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh thực hiện nhiều dự án mới như: Dự án "Nâng cao năng lực cho trung tâm quản lý nước và biến đổi khí hậu" do Chương trình NICHE của Chính phủ Hà Lan tài trợ trị giá 2,5 triệu Euro; Dự án "Kỹ năng nghề nghiệp Việt Nam" do Cơ quan phát triển Canada (CIDA) tài trợ trị giá 20 triệu CAD (đôla Canada); Dự án "Mô hình về dự báo biến đổi khí hậu" do tổ chức Delta Res (Hà Lan) tài trợ trị giá 320.000 Euro; Dự án Chương trình Hợp tác Giáo dục Đại học ngành Kỹ thuật (HEEAP) triển khai tại Trường ĐH Bách khoa TP. Hồ Chí Minh, là dự án kết hợp giữa các trường đại học hàng đầu của Việt Nam với Intel, Arizona State University từ năm 2010 - 2013; Dự án "Đào tạo kỹ năng sống cho phụ nữ nhập cư tại TP. Hồ Chí Minh" do Quỹ Rosa Luxemburg Stiftung (CHLB Đức) tài trợ tại Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh; Dự án "Nghiên cứu và đào tạo về quản lý chính sách công trong lĩnh vực bảo vệ môi trường" hợp tác với ĐH Duke do tổ chức General Electrics (Hoa Kỳ) tài trợ; Dự án "Trung tâm nghiên cứu phát triển bền vững (RCE) đầu tiên của Việt Nam trong hệ thống RCE toàn thế giới" được thành lập tại Trường Đại học Quốc tế TP. Hồ Chí Minh do Trường Đại học Liên hợp quốc trao giấy chứng nhận. Dự án Eurocom đang trong quá trình khảo sát đối với các ngành liên quan để dự báo nguồn tuyển sinh cho chương trình và tiến hành đăng ký gia nhập Eurocom. Dự án One More Step, trong khuôn khổ Chương trình Erasmus Mundus (là Chương trình của Cộng đồng châu Âu, với mục đích nâng cao năng lực giáo dục đại học bằng cách hỗ trợ những suất học bổng tại châu Âu và hình thành các hợp tác giáo dục giữa châu Âu và những nước còn lại), nhằm tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên từ các nước đang phát triển tiếp cận với nền giáo dục tại châu Âu.

Đề hướng đến đại học nghiên cứu, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh chú trọng xây dựng chất lượng đào tạo đạt chuẩn mực quốc tế là định hướng chính nhằm đưa ĐHQG TP. Hồ Chí Minh phát triển theo mô hình đại học nghiên cứu. Công tác đẩy mạnh các chương trình đào tạo chất lượng cao theo chuẩn quốc tế luôn được chú trọng, biểu hiện rõ qua việc triển khai ngày càng nhiều các chương trình đào tạo liên kết với các đối tác đẳng cấp quốc tế như chương trình phối

hợp với UCLA đào tạo tiến sĩ MANAR, phối hợp với Tập đoàn GE (General Electric) và Đại học Duke đào tạo thạc sĩ chính sách công về bảo vệ môi trường, phối hợp với Đại học Arizona State University và Intel đào tạo kỹ sư công nghệ thông tin... Đồng thời, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh đang triển khai hướng phát triển các chương trình tài năng đạt chuẩn quốc tế, thông qua việc chuẩn hóa chuẩn đầu ra gắn với tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục.

Cùng đó, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh cũng quan tâm đến hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy, xem đây là một trong những yêu cầu thiết yếu đối với việc hoàn thiện phương thức đào tạo theo học chế tín.

Để phát triển theo mô hình đại học nghiên cứu, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh đã từng bước chứng minh những tiềm lực khoa học không chỉ về mặt con người mà ở những kết quả đào tạo nghiên cứu. Kết quả công bố khoa học (bài báo, sách khoa học, patents, quy trình công nghệ được chuyển giao, đào tạo sau đại học) là một trong các tiêu chí quan trọng khi xét chọn và nghiệm thu các đề tài, dự án KH&CN. Việc đầu tư cho các nhóm nghiên cứu, các phòng thí nghiệm cũng dựa trên hiệu quả hoạt động KH&CN của từng nhóm. Số liệu thống kê đến tháng 10/2011, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh đã có 773 bài báo đăng trên các tạp chí và kỷ yếu, trong đó có 173 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế, với 142 bài thuộc danh sách ISI (chiếm tỷ lệ 82% tổng số tạp chí quốc tế) và 31 bài không thuộc danh sách ISI (chiếm tỷ lệ 18% tổng số tạp chí quốc tế).

Phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh và trung tâm nghiên cứu là một trong những hướng đi đúng, định hình rõ hơn mô hình đại học nghiên cứu. Hiện nay, ĐHQG TP. Hồ Chí Minh đã hình thành hơn 20 nhóm nghiên cứu có khả năng tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế, điển hình là các nhóm/đơn vị: semantic web, tính toán lưới, JVN, vật lý tính toán, tính toán tối ưu, thiết kế vi mạch, robot công nghiệp, vật liệu polymer - composite, cảm biến nano sinh học, solar cell, MANAR, hóa lý ứng dụng, nhiên liệu sinh học, tế bào gốc, công nghệ sinh học phân tử, sinh thái môi trường, chống ngập đô thị; văn học Nam Bộ, khảo cổ học, văn hóa học (*Nguồn: Báo Nhân dân ra ngày 31/12/2011*).

2.2. Đại học Quốc gia Hà Nội

Phát triển theo định hướng đại học nghiên cứu, bên cạnh việc kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học, ĐHQG Hà Nội còn đặc biệt quan tâm đến chuyển giao tri thức, sản phẩm và các giải pháp KH&CN đến cộng đồng. Các hoạt động KH&CN nhằm mục tiêu: nghiên cứu, phát triển công nghệ, công bố quốc tế gắn với thương mại hóa sản phẩm.

Là cơ sở nghiên cứu khoa học có tiềm lực về đội ngũ cán bộ khoa học mạnh với 1.500 cán bộ, trong đó có 349 giáo sư, phó giáo sư và 839 tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, cùng hệ thống cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu tương đối hiện đại, có gần 30 phòng thí nghiệm trọng điểm, tạo điều kiện để giảng viên nhà trường nghiên cứu, sáng tạo cũng như để phối hợp với các cơ sở nghiên cứu và doanh nghiệp bên ngoài trong nghiên cứu khoa học, ĐHQG Hà Nội xứng đáng là đơn vị "đầu tàu" của giáo dục đại học Việt Nam.

Trên con đường xây dựng và phát triển thành đại học nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực, ngang tầm châu lục, dần đạt trình độ quốc tế, ĐHQG Hà Nội xác định hoạt động KH&CN là nền tảng để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học, nâng cao chất lượng đào tạo và gia tăng các yếu tố cạnh tranh cho nền kinh tế tri thức của đất nước. GS.TS. Nguyễn Hữu Đức (Phó Giám đốc ĐHQG Hà Nội) cho biết: "Cũng như các trường đại học nghiên cứu trên thế giới, nghiên cứu cơ bản trên các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, các ngành công nghệ và kinh tế - xã hội mũi nhọn,... là thế mạnh của ĐHQG Hà Nội và công bố quốc tế đã trở thành văn hóa chất lượng".

Hai mươi năm qua, số bài báo quốc tế trong hệ thống ISI của ĐHQG Hà Nội đã tăng lên 20 lần (năm 1993: 10 bài/năm, năm 2013: gần 200 bài/năm), chiếm hơn 12% tổng số bài báo ISI của cả nước. Nhiều bài báo có số lần trích dẫn cao (từ 50 đến 500 lần). Đây là những chỉ số quan trọng để đánh giá cả trình độ nghiên cứu và mức độ hội nhập của ĐHQG Hà Nội. Trên cơ sở đó, từ năm 2012, bảng xếp hạng quốc tế QS đã ghi nhận và xếp ĐHQG Hà Nội vào nhóm 250 (5%) trường đại học nghiên cứu hàng đầu châu Á.

Xác định khoa học phải luôn hướng đến giải quyết các yêu cầu thực tiễn của cuộc sống, ĐHQG Hà Nội phát triển đồng bộ và kết hợp chặt chẽ giữa các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, KH&CN trong các nghiên cứu liên ngành. Các công trình nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn đã góp phần bảo đảm luận cứ khoa học cho việc xây dựng các định hướng chiến lược, chính sách, chủ trương, kế hoạch, quy hoạch phát triển đất nước của Đảng và Nhà nước, quy hoạch phát triển các ngành, địa phương. Nhiều chương trình, dự án, đề tài KH&CN đã đóng góp thiết thực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, như các công trình về "Luận cứ khoa học lịch sử, địa lý và pháp lý của nước CHXHCN Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa", "Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam bộ, biên giới Tây Nam"... Các nghiên cứu về quá trình biến đổi cơ cấu kinh tế - xã hội trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vấn đề bình đẳng giới, bình đẳng xã hội,... cũng góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách kinh tế - xã hội ở tầm vĩ mô, trong đó, Báo cáo thường niên kinh tế Việt

Nam đã trực tiếp cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho quá trình hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng. Hiện nay, ĐHQG Hà Nội đang được Chính phủ giao chủ trì Chương trình KH&CN phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc.

Theo định hướng đại học nghiên cứu, ĐHQG Hà Nội thực hiện chủ trương giữ ổn định quy mô đào tạo đại học chính quy, giảm quy mô đào tạo không chính quy và phát triển mạnh quy mô đào tạo sau đại học, trên cơ sở bảo đảm chất lượng. Những năm gần đây, mỗi năm ĐHQG Hà Nội đào tạo khoảng 200 nghiên cứu sinh và 2.000 học viên cao học, đưa tỷ lệ đào tạo sau đại học đạt gần 25% tổng quy mô đào tạo chung, từng bước tiếp cận chuẩn của các trường đại học tiên tiến của khu vực và quốc tế (Nguồn: Báo Hà Nội mới ra ngày 09/12/2013).

2.3. Học viện Chính sách và Phát triển thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học được Học viện Chính sách và Phát triển (Học viện) xem là một trong những điều kiện tiên quyết để nâng cao trình độ giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Học viện đạt đẳng cấp quốc tế. Để đạt được điều này, Học viện thực hiện một số giải pháp và hình thức hợp tác quốc tế trong giảng dạy và nghiên cứu như sau:

Thu hút các giáo sư, tiến sĩ ở các trường đại học, học viện, cơ quan/tổ chức đào tạo và nghiên cứu nước ngoài về giảng dạy tại Học viện:

- Vận động các tổ chức quốc tế cử các chuyên gia đầu ngành sang giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu sinh tại Học viện;
- Mời giảng viên nước ngoài giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu sinh;
- Liên danh, hợp tác với các trường đại học có tiếng ở trong khu vực và thế giới để triển khai các chương trình, dự án;
- Thông qua các dự án mà Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao, Học viện mời các chuyên gia nước ngoài tham gia thực hiện dự án nhằm tạo điều kiện cho các giảng viên của Học viện trao đổi, học hỏi kiến thức chuyên môn.

Cung cấp thông tin, học tập kinh nghiệm:

- Liên kết, hợp tác chặt chẽ với các trung tâm thông tin quốc tế lớn như: Trung tâm thông tin của Ngân hàng Thế giới, Trung tâm thông tin của Ngân hàng châu Á,...;
- Liên kết, hợp tác với các trường đại học nước ngoài trong biên soạn giáo trình giảng dạy, cung cấp sách, tạp chí, báo,...;
- Đi học tập kinh nghiệm giảng dạy tại một số trường đại học danh tiếng trong khu vực và trên thế giới;

- Cử sinh viên và nghiên cứu sinh các năm cuối tiếp tục hoàn thành khóa học ở nước ngoài;
- Tiếp nhận sinh viên, thực tập sinh và nghiên cứu sinh nước ngoài;
- Phối hợp tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học;
- Trao đổi thông tin và các ấn phẩm, tài liệu nghiên cứu, kinh nghiệm, phương pháp và công cụ giảng dạy, học tập;
- Hợp tác, đồng chủ trì các dự án nghiên cứu khoa học, tư vấn và dịch vụ liên quan đến đào tạo, nghiên cứu khoa học và hoạt động tư vấn...

Liên doanh, liên kết nước ngoài: gồm các trường đại học, cơ quan khoa học,... để thực hiện một số dự án phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Mục tiêu:
 - + Nâng cao năng lực giảng dạy cho đội ngũ giảng viên của Học viện;
 - + Hợp tác nước ngoài tại Việt Nam về lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu trong các lĩnh vực như: kinh tế phát triển, kinh tế công, tổ chức lãnh thổ.
- Hợp tác với các cơ quan nghiên cứu nhân lực để phục vụ công tác tổ chức nhân sự của Học viện.

Các đối tác ưu tiên hợp tác:

Các đối tác mà Học viện ưu tiên hợp tác, liên danh, liên kết là: Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng châu Á, Cơ quan hợp tác quốc tế của Nhật Bản, Cơ quan hợp tác quốc tế của Canada, Cơ quan hợp tác quốc tế của Úc, Cơ quan tổ chức lãnh thổ của Pháp, các trường đại học (Trường Phát triển quốc tế của Hàn Quốc, Trường đại học Tổng hợp Tokyo, Trường Đại học quốc gia Singapore, Trường Đại học Tổng hợp Thanh Hoa - Trung Quốc, Trường đại học Quốc gia Úc - [www. http://apd.edu.vn](http://apd.edu.vn)).

2.4. Học viện Quản lý Giáo dục thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trong thời đại công nghiệp, doanh nghiệp đứng ở vị trí trung tâm của sự phát triển, khoa học quản lý kinh tế và quản trị doanh nghiệp đã có sự phát triển mạnh mẽ và đóng vai trò định hướng, dẫn đường cho việc hoạch định chiến lược, đề ra giải pháp, tạo lập khả năng vận hành phát triển kinh tế - xã hội từ mức độ vĩ mô cho đến các cấp độ vi mô. Khi nhân loại bước vào nền kinh tế tri thức, giáo dục và đào tạo đứng ở trung tâm của sự phát triển, khoa học giáo dục và quản lý giáo dục đã và đang được chú trọng ở hầu hết các quốc gia, nhằm thích ứng với triết lý giáo dục của thế kỷ mới “học tập thường xuyên suốt đời” và hướng tới xây dựng “xã hội học tập”. Khoa học

quản lý giáo dục cho đến ngày nay chủ yếu chỉ mới hướng tới việc giáo dục cho thanh thiếu niên trong độ tuổi đến trường nhưng đã khá phát triển. Khi đối tượng, thời gian và không gian mở rộng chắc chắn cấp độ đa dạng và mức độ sâu sắc về mặt khoa học do thực tiễn đặt ra sẽ tăng lên gấp bội, khoa học quản lý giáo dục càng cần được chú trọng phát triển.

Tài liệu nghiên cứu các Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng nêu rõ: *"Phát triển kinh tế tri thức trên cơ sở phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ; xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng khoa học, công nghệ, trước hết là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ tự động, nâng cao năng lực nghiên cứu - ứng dụng gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao"*.

Để thực hiện được những mục tiêu quan trọng đó, hoạt động hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng, hoạch định các vấn đề về mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo và các giải pháp cụ thể để tổ chức, quản lý quá trình đào tạo nguồn nhân lực đồng thời đưa các vấn đề đó vào thực tế hoạt động của các nhà trường và các cơ sở giáo dục và đào tạo.

Học viện Quản lý Giáo dục có quan hệ hợp tác với Học viện Phát triển quản lý giáo dục Thái Lan, Đại học Sư phạm Vân Nam - Trung Quốc, thiết lập mối quan hệ với Đại học Westminster nước Anh và các tổ chức quốc tế (Pháp, Úc, Trung Quốc, Nhật Bản, Canada và nhiều nước trong khối ASEAN...). Các quan hệ này nhằm tạo điều kiện trao đổi kinh nghiệm, cung cấp tài liệu, gửi giảng viên tập huấn,...

Đặc biệt, Học viện Quản lý Giáo dục thường xuyên tổ chức bồi dưỡng cán bộ quản lý và cán bộ khoa học kỹ thuật cho CHDCND Lào theo Hiệp định đã được ký kết giữa hai Nhà nước. (Nguồn: <http://niem.edu.vn>)

3. Kết luận

Hợp tác quốc tế về KH&CN là một trong những yếu tố quan trọng trong kinh tế đối ngoại và phát triển kinh tế - xã hội của nước ta trong giai đoạn hiện nay. Hợp tác quốc tế về KH&CN đã trở thành một yếu tố quan trọng trong kinh tế đối ngoại và phát triển kinh tế - xã hội của nước ta trong giai đoạn hiện nay. Nó là nguồn lực to lớn, cầu nối, kênh dẫn không thể thiếu đối với hoạt động KH&CN trong nước. Những năm gần đây, KH&CN nước ta đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, một phần quan trọng là nhờ chính sách mở cửa của Đảng và Nhà nước. Chúng ta đã tranh thủ được sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè và các đối tác trên thế giới. Đến nay, nước ta đã có quan hệ hợp tác về KH&CN với trên 70 nước, vùng lãnh thổ và tổ chức quốc tế. Không những quy mô hợp tác được mở rộng mà hình thức và nội

dung hợp tác cũng đã trở nên đa dạng hơn, thiết thực hơn với nhu cầu phát triển KH&CN và kinh tế - xã hội của đất nước.

Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế nói chung và hợp tác quốc tế về KH&CN nói riêng thực sự sẽ tạo điều kiện thuận lợi, không chỉ đơn thuần là mở rộng giao lưu với các nước mà còn là điều kiện tiên quyết của các trường đại học trở thành đại học nghiên cứu, có tầm ảnh hưởng lớn trong nước và khu vực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XI-Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Hà Nội - 2011.
2. Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 26/3/2004 của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài.
3. Nghị quyết số 07/NQ-TW ngày 27/11/2011 của Bộ Chính trị về Hội nhập kinh tế quốc tế.
4. Quyết định số 418/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 11/4/2012 Phê duyệt Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020.
5. Dự thảo Đề án thành lập Học viện Quản lý KH&CN. Trường Quản lý KH&CN, Bộ KH&CN. Hà Nội, 2011.
6. Báo cáo đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài của mạng lưới đại học Đông Nam Á (AUN). Thành phố Hồ Chí Minh, 12/2011.
7. Đề án Học viện Chính sách và Phát triển. Bộ KH&ĐT. Hà Nội, 2006.
8. Đề án Học viện Quản lý GD&ĐT. Bộ GD&ĐT. Hà Nội, 2005.

